ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC CTĐT THỨ 2 NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC
ĐỢT 2 NĂM HỌC 2016-2017

(Kèm theo quyết định trúng tuyển nhập học CTĐT thứ 2 (Bằng kép) khóa QH.2016.F.10 (đợt 2) theo quyết định số 972 /QĐ-ĐHNN ngày 19/5/2017)

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
1	14000009	Đặng Quỳnh	Anh	21-08-96	Hà Nội	Nữ	KHTN	2014	**Anh**	**3,48**		437
2	15010604	Hoàng Châu	Anh	01-04-97	Bắc Ninh	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,22**		227
3	14031813	Nguyễn Lệ Minh	Anh	13-01-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,08**		433
4	14030011	Nguyễn Thị Phương	Anh	10-05-96	Bắc Giang	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**2,68**		454
5	15034316	Vũ Thị Phương	Anh	09-06-97	Hải Dương	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,01**		336
6	15050118	Bùi Thị	Ánh	10-09-97	Thái Bình	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**2,88**		162
7	15041089	Hà Ngọc	Ánh	10-10-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**3,21**		217
8	15010605	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	23-05-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,14**		211
9	15053705	Lưu Thị Ngọc	Bích	14-03-97	Hà Nội	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**3,63**		117
10	15067029	Bùi Yến	Chi	20-09-97	Hải Dương	Nữ	Khoa Luật	2015	**Anh**	**3,05**		220
11	14010262	Đào Thị Kim	Chi	05-09-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**2,99**		363
12	15032270	Trần Thị Linh	Chi	08-11-97	Nghệ An	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,48**		349
13	14031079	Mạc Thị Hồng	Dinh	06-11-96	Hải Dương	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,20**		335
14	14011502	Ngô Thị	Dung	15-06-96	Thái Bình	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**2,60**		447
15	15034607	Nguyễn Ngọc Vũ	Duy	05-12-96	Bắc Ninh	Nam	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,29**		320
16	15032361	Trần Quang	Duy	03-06-96	Hà Nội	Nam	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,26**		319
17	15030931	Trương Thùy	Dương	02-06-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**3,36**		367
18	15010511	Bùi Thị	Giang	23-08-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,07**		234
19	15043699	Bùi Thị Thanh	Giang	24-03-97	Hưng Yên	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,65**		182
20	15032231	Ngô Thị Châu	Giang	29-11-97	Vĩnh Phúc	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**3,22**		322
21	14031880	Nguyễn Thu	Giang	20-06-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**2,34**		416
22	15050511	Lưu Thái	Hà	28-10-97	Hà Nam	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**2,89**		140

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
23	15010513	Ngô Thị Thu	Hà	06-05-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,90**		135
24	15010514	Nguyễn Thị	Hà	15-11-96	Nam Định	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,34**		230
25	15003438	Nguyễn Thu	Hà	29-07-97	Hà Nội	Nữ	KHTN	2015	**Anh**	**2,34**		360
26	14001205	Nguyễn Hồng	Hạnh	05-04-96	Hà Nội	Nữ	KHTN	2014	**Anh**	**2,35**		400
27	13000316	Nguyễn Thị	Hảo	10-11-95	Hà Nam	Nữ	KHTN	2013	**Anh**	**3,33**		207
28	13000402	Tống Thị Thu	Hiền	04-06-95	Bắc Giang	Nữ	KHTN	2013	**Anh**	**2,57**		455
29	14030130	Đặng Quỳnh	Hoa	29-07-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,12**		456
30	15053059	Mai Thị Phương	Hoa	05-05-97	Thanh Hóa	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**3,04**		231
31	15032397	Nguyễn Thị	Hoa	29-07-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,57**		307
32	14001097	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	15-05-96	Hải Phòng	Nữ	KHTN	2014	**Anh**	**3,10**		355
33	15010415	Nguyễn Thị Việt	Hoa	23-08-97	Hải Dương	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,24**		109
34	15010522	Mai Thị	Hòa	27-10-97	Thanh Hóa	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,36**		128
35	15010524	Nguyễn Thị Thu	Hoài	28-03-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,37**		160
36	15010212	Vương Thị Ánh	Hồng	12-10-96	Gia Lai	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,16**		152
37	15010526	Nguyễn Thị Minh	Huệ	17-03-97	Bắc Ninh	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,78**		228
38	15040183	Phạm Thị Kim	Huệ	03-05-97	Hải Phòng	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,54**		214
39	13041394	Đoàn Tiến	Hùng	03-02-95	Nghệ An	Nam	Ngoại ngữ	2013	**Anh**	**2,20**		219
40	14040345	Nguyễn Mỹ	Huyên	03-11-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Anh**	**2,30**		126
41	15031462	Đặng Vũ Thương	Huyền	13-07-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,85**		405
42	14032293	Lê Khánh	Huyền	20-04-96	Quảng Ninh	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,53**		301
43	15001483	Trần Thảo	Huyền	12-11-97	Hải Dương	Nữ	KHTN	2015	**Anh**	**2,34**		331
44	14000435	Nguyễn Thúy	Liễu	02-12-96	Hà Nội	Nữ	KHTN	2014	**Anh**	**3,21**		309
45	15000640	Hoàng Mỹ	Linh	04-04-97	Quảng Ninh	Nữ	KHTN	2015	**Anh**	**3,10**		435
46	15010422	Lê Hoài	Linh	20-05-97	Tuyên Quang	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,49**		110
47	13020246	Nguyễn Đình Mạnh	Linh	08-11-94	Thanh Hóa	Nam	Công nghệ	2013	**Anh**	**2,68**		209
48	14011517	Nguyễn Huyền	Linh	13-10-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**3,32**		155
49	15010615	Nguyễn Phương	Linh	19-02-97	Phú Thọ	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,52**		213
50	15034916	Thân Thùy	Linh	06-06-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,52**		354

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
51	15010534	Hoàng Thị	Mai	26-10-97	Hải Dương	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,83**		159
52	14032029	Nguyễn Ngọc	Mai	22-10-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,32**		340
53	15001511	Võ Nhật	Minh	20-04-97	Hà Nội	Nam	KHTN	2015	**Anh**	**3,48**		343
54	15004299	Lê Thị Khánh	Ninh	26-10-97	Quảng Ninh	Nữ	KHTN	2015	**Anh**	**2,62**		304
55	13000850	Kiều Thị	Nga	13-06-95	Hà Nội	Nữ	KHTN	2013	**Anh**	**2,63**		417
56	15035937	Nguyễn Thanh	Nga	19-09-97	Bắc Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,39**		365
57	15010540	Phạm Thị	Nga	06-03-97	Hải Dương	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,10**		118
58	15050807	Hà Thị	Nguyên	20-08-96	Thanh Hóa	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**3,29**		199
59	15043370	Lê Minh	Nguyệt	01-01-97	Hưng Yên	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,54**		193
60	15030819	Nguyễn Hải Yến	Nhi	08-11-97	Bắc Giang	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**3,58**		347
61	15052879	Nguyễn Thị Lan	Nhi	12-12-97	Hải Phòng	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**2,81**		157
62	15010628	Nguyễn Hồng	Nhung	29-11-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,44**		212
63	15034347	Phạm Thị	Nhung	05-01-97	Nghệ An	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,96**		419
64	15050002	Phạm Thị Hồng	Nhung	15-01-97	Hải Dương	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**3,17**		156
65	13010168	Vũ Thị	Nhung	02-07-95	Nam Định	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,06**		224
66	15010430	Hoàng Thị	Oanh	16-12-97	Bắc Giang	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,34**		330
67	14011523	Nguyễn Thị	Phương	17-07-96	Bắc Giang	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**2,45**		446
68	15034979	Vũ Mai	Phương	29-10-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,39**		303
69	15034468	Đào Minh	Phượng	03-06-97	Quảng Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,03**		368
70	15042638	Nghiêm Thúy	Phượng	14-05-96	Bắc Ninh	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,33**		132
71	15010334	Nguyễn Minh	Phượng	07-01-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,79**		120
72	15010631	Bùi Thị Hồng	Quế	20-12-97	Hòa Bình	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,35**		107
73	15030831	Đoàn Phương	Quỳnh	07-01-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,55**		439
74	15030180	Nguyễn Thu	Quỳnh	29-10-97	Yên Bái	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,56**		397
75	14041211	Phạm Phú	Tuân	20-01-96	Quảng Ninh	Nam	Ngoại ngữ	2014	**Anh**	**2,76**		103
76	15040431	Nguyễn Phương	Thảo	28-02-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,21**		229
77	15031785	Nguyễn Phương	Thảo	05-05-97	Bắc Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,73**		392
78	15044118	Trần Phương	Thảo	23-06-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**2,36**		147

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
79	15000952	Nguyễn Đức	Thiện	14-04-97	Hà Nội	Nam	KHTN	2015	**Anh**	**2,77**		312
80	15000643	Bùi Đức	Thọ	06-04-97	Hà Nam	Nam	KHTN	2015	**Anh**	**3,05**		448
81	15001238	Đỗ Kim	Thoa	27-01-97	Nam Định	Nữ	KHTN	2015	**Anh**	**3,18**		393
82	15042623	Nguyễn Thị Hương	Thu	11-09-97	Thái Bình	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Anh**	**3,23**		192
83	15010336	Nguyễn Xuân	Thu	23-07-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,25**		121
84	15031789	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	29-09-97	Bắc Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**3,18**		391
85	15010552	Bùi Bích	Thủy	08-03-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**3,08**		134
86	14011536	Hà Thị Thanh	Thủy	19-01-96	Nghệ An	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**3,75**		139
87	14032583	Lã Văn	Thủy	11-11-95	Hà Nội	Nam	Nhân văn	2014	**Anh**	**2,98**		136
88	15030740	Đinh Thị Thúy	Trang	07-04-96	Hải Dương	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,49**		333
89	13041380	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09-05-94	Thanh Hóa	Nữ	Ngoại ngữ	2013	**Anh**	**2,07**		210
90	15050289	Phạm Kiều	Trinh	29-09-97	Hòa Bình	Nữ	Kinh tế	2015	**Anh**	**2,09**		123
91	15034692	Hoàng Mai	Trường	16-04-97	Nam Định	Nam	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,31**		369
92	14030565	Nguyễn Tất	Trường	05-01-96	Nghệ An	Nam	Nhân văn	2014	**Anh**	**3,33**		311
93	15010345	Hoàng Thị Hồng	Uyên	18-04-96	Quảng Ninh	Nữ	Giáo dục	2015	**Anh**	**2,26**		187
94	14010189	Nguyễn Thị Thùy	Vân	25-03-96	Thái Bình	Nữ	Giáo dục	2014	**Anh**	**2,27**		364
95	15032236	Nguyễn Hải	Yến	14-01-95	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Anh**	**2,49**		376
96	15062468	Nguyễn Thị	Yến	22-04-97	Nam Định	Nữ	Khoa Luật	2015	**Anh**	**3,01**		168
97	14032228	Trần Bảo	Yến	13-09-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Anh**	**2,94**		415
98	14040991	Vũ Thị Hải	Yến	12-11-96	Thái Bình	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Anh**	**2,05**		153
99	15040426	Lưu Thúy	An	12-11-97	Thái Nguyên	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**3,47**		171
100	15044557	Khúc Thị Phương	Anh	21-03-96	Hải Dương	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,72**		106
101	15032408	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	21-12-97	Phú Thọ	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,10**		357
102	15043628	Nguyễn Minh	Anh	27-09-97	Thanh Hóa	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,00**		208
103	15031733	Phan Thị Hải	Anh	04-04-97	Bắc Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,41**		430
104	14031120	Trần Diệp	Anh	29-08-96	Vĩnh Phúc	Nữ	Nhân văn	2014	**Hàn Quốc**	**2,74**		318
105	14040074	Trần Minh	Anh	03-03-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,15**		102
106	14040075	Trần Thị Cẩm	Anh	14-08-96	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,45**		145

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
107	15040598	Vũ Nguyệt	Anh	11-11-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,86**		195
108	15010602	Vũ Thị Lan	Anh	21-06-97	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2015	**Hàn Quốc**	**2,55**		201
109	15032304	Nguyễn Thị	Ánh	21-11-97	Bắc Ninh	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,46**		356
110	15044841	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13-04-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**3,54**		183
111	15044794	Trần Thị Thu	Cúc	24-12-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,20**		185
112	15044856	Nguyễn Thị	Diễm	27-05-97	Thái Bình	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**3,20**		175
113	15034942	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	22-08-97	Bắc Giang	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,69**		325
114	13000198	Trần Lương	Duyên	26-08-95	Nam Định	Nữ	KHTN	2013	**Hàn Quốc**	**2,77**		426
115	15040971	Đỗ Quang	Dương	25-05-97	Vĩnh Phúc	Nam	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,82**		181
116	14040176	Phạm Công	Đức	21-08-96	Thái Nguyên	Nam	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,89**		202
117	15034925	Nguyễn Thanh	Hà	24-03-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,06**		425
118	15010518	Nguyễn Thị	Hạnh	26-09-97	Nghệ An	Nữ	Giáo dục	2015	**Hàn Quốc**	**3,54**		116
119	14011510	Lưu Minh	Hoàn	25-12-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2014	**Hàn Quốc**	**3,54**		323
120	15061273	Lương Thị	Hồng	01-05-97	Hà Nội	Nữ	Khoa Luật	2015	**Hàn Quốc**	**2,35**		184
121	15044912	Phạm Thị	Hồng	16-08-97	Hà Nam	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,90**		186
122	15042651	Dương Khánh	Huyền	16-08-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,93**		112
123	14031942	Ngô Phương	Huyền	13-01-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Hàn Quốc**	**2,90**		341
124	15042161	Nguyễn Phương	Huyền	22-06-97	Ninh Bình	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,89**		205
125	14040349	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	28-08-96	Hưng Yên	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,87**		203
126	15034911	Nguyễn Thị Mai	Hương	18-07-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,13**		375
127	15050360	Phạm Thị	Hương	16-12-97	Phú Thọ	Nữ	Kinh tế	2015	**Hàn Quốc**	**3,45**		114
128	14030206	Lăng Thị	Kiều	06-08-96	Lạng Sơn	Nữ	Nhân văn	2014	**Hàn Quốc**	**2,54**		104
129	14040420	Nguyễn Thị Thanh	Lan	27-09-95	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,16**		196
130	14040428	Đặng Nhật	Lệ	03-12-96	Hải Dương	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,22**		146
131	15043116	Hoàng Thùy	Linh	14-11-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,86**		198
132	14040450	Lại Phương	Linh	17-08-96	Hà Nam	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,05**		142
133	15030793	Lê Thùy	Linh	03-03-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,55**		374
134	14040483	Trần Ngọc	Linh	02-10-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,08**		101

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
135	15041581	Vi Xuân Khánh	Linh	09-11-97	Thanh Hóa	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,62**		164
136	15035936	Tạ Thanh	Loan	12-03-97	Hải Phòng	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,37**		383
137	14041008	Hoàng Quỳnh	Mai	30-10-96	Hà Nam	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**3,20**		450
138	15034679	Phùng Ánh	Mai	10-11-97	Ninh Bình	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,61**		384
139	15030895	Vũ Thị Quỳnh	Mai	22-10-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,23**		453
140	15040451	Lê Thị Thảo	My	23-05-97	Thái Nguyên	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,89**		172
141	13032195	Tăng Vũ Diệu	Nga	09-10-95	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2013	**Hàn Quốc**	**3,25**		359
142	15042261	Tạ Ngô Hải	Ngọc	15-11-97	Phú Thọ	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**3,42**		173
143	14050134	Trương Thị	Ngọc	22-01-96	Hà Nội	Nữ	Kinh tế	2014	**Hàn Quốc**	**3,30**		163
144	15031776	Phạm Thị	Nhàn	21-04-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,05**		414
145	15050826	Trần Hồng	Nhung	09-10-97	Thái Nguyên	Nữ	Kinh tế	2015	**Hàn Quốc**	**2,63**		167
146	14050636	Vũ Thị Minh	Phương	28-08-96	Thái Bình	Nữ	Kinh tế	2014	**Hàn Quốc**	**3,13**		166
147	14050688	Nghiêm Minh	Phượng	14-04-96	Hà Nội	Nữ	Kinh tế	2014	**Hàn Quốc**	**2,68**		180
148	15034430	Hoàng Thị Như	Quỳnh	29-10-97	Tuyên Quang	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,56**		410
149	14050153	Vũ Thị Hoài	Thanh	15-03-96	Đắc Lắc	Nữ	Kinh tế	2014	**Hàn Quốc**	**2,23**		225
150	14040733	Bạch Phương	Thảo	24-09-96	Bắc Ninh	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,26**		105
151	15044408	Lê Phương	Thảo	11-12-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Hàn Quốc**	**2,79**		206
152	14050641	Lê Thị Vân	Thảo	25-10-96	Hải Phòng	Nữ	Kinh tế	2014	**Hàn Quốc**	**2,82**		165
153	15010548	Nguyễn Minh	Thảo	13-11-97	Nam Định	Nữ	Giáo dục	2015	**Hàn Quốc**	**3,28**		129
154	15031199	Nguyễn Thạch	Thảo	20-08-96	Hà Tĩnh	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,23**		348
155	14040751	Nguyễn Thị	Thảo	02-11-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,13**		111
156	15034444	Nguyễn Bá	Thắng	15-05-97	Hà Nội	Nam	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,81**		321
157	14040793	Nguyễn Thị	Thu	11-08-96	Nam Định	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,88**		144
158	15030091	Lê Thanh	Thùy	11-05-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,02**		305
159	15050330	Phan Thị	Thùy	12-10-97	Bắc Giang	Nữ	Kinh tế	2015	**Hàn Quốc**	**3,07**		169
160	15032318	Lê Thu	Thủy	01-10-97	Thanh Hóa	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,95**		328
161	15034544	Nguyễn Hương	Trà	01-10-97	Hải Phòng	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**3,10**		406
162	15032497	Cát Thu	Trang	24-10-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Hàn Quốc**	**2,99**		385

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
163	14011054	Nguyễn Đặng Thu	Uyên	16-12-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2014	**Hàn Quốc**	**2,28**		232
164	15067025	Lê Thị	Vân	30-05-97	Hà Nội	Nữ	Khoa Luật	2015	**Hàn Quốc**	**2,78**		188
165	13033022	Phạm Thu	Xuyên	18-02-95	Hải Dương	Nữ	Nhân văn	2013	**Hàn Quốc**	**3,52**		387
166	14040976	Lê Thị Thu	Yên	05-09-96	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,89**		143
167	14041215	Ngô Thị Thùy	Yên	13-04-96	Hải Phòng	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Hàn Quốc**	**2,97**		178
168	15010503	Nguyễn Thị Phương	Anh	20-04-97	Hải Phòng	Nữ	Giáo dục	2015	**Nhật Bản**	**2,92**		125
169	15041399	Phạm Ngọc	Anh	21-09-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**3,64**		113
170	15031077	Nguyễn Đình	Bách	27-11-97	Hà Nội	Nam	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,07**		449
171	15034519	Trần Quỳnh	Châu	17-02-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,58**		371
172	15031078	Kiều Thị Quỳnh	Chi	19-11-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,99**		432
173	15031079	Nguyễn Lan	Chi	11-06-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,13**		376
174	13000131	Mai Thị	Chúc	16-07-95	Ninh Bình	Nữ	KHTN	2013	**Nhật Bản**	**2,91**		444
175	15044863	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24-12-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**2,68**		131
176	15050322	Nguyễn Thị Hà	Giang	23-12-97	Thái Bình	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**3,19**		170
177	14040207	Nguyễn Thị	Hà	15-11-95	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Nhật Bản**	**3,24**		174
178	15050229	Phạm Thu	Hà	10-03-97	Hải Phòng	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**3,36**		216
179	14040227	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12-04-96	Phú Thọ	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Nhật Bản**	**2,53**		154
180	15034582	Trần Hồng	Hạnh	04-11-94	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,53**		403
181	15050098	Chu Thanh	Hằng	18-09-97	Thái Bình	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**2,16**		218
182	15010521	Bùi Thị Thảo	Hiền	19-12-97	Hải Phòng	Nữ	Giáo dục	2015	**Nhật Bản**	**3,48**		124
183	13000391	Nguyễn Thị	Hiền	02-04-94	Hà Nội	Nữ	KHTN	2013	**Nhật Bản**	**3,12**		445
184	14011119	Nguyễn Thị Phương	Hoa	08-10-96	Hà Nội	Nữ	Giáo dục	2014	**Nhật Bản**	**2,82**		451
185	13000451	Trương Thị	Hoa	06-09-94	Hà Nội	Nữ	KHTN	2013	**Nhật Bản**	**3,17**		197
186	15034643	Nguyễn Thị Minh	Hòa	01-03-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,17**		326
187	15052940	Phạm Minh	Hoài	10-04-97	Bắc Giang	Nam	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**2,90**		177
188	14002121	Lê Duy	Hoàng	25-05-96	Hà Nội	Nam	KHTN	2014	**Nhật Bản**	**2,82**		438
189	15032428	Hoàng Thị Thanh	Huyền	24-08-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,25**		352
190	14031135	Mai Khánh	Huyền	22-02-96	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2014	**Nhật Bản**	**2,85**		421

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
191	15050489	Đinh Thị	Hương	18-03-97	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**2,80**		119
192	15044796	Đỗ Thị Thu	Hương	04-03-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**3,52**		133
193	14040372	Hoàng Thanh	Hương	17-06-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Nhật Bản**	**2,86**		108
194	15032310	Lê Thị	Hương	23-04-96	Ninh Bình	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,32**		358
195	15050120	Lưu Minh	Lai	14-01-97	Hải Phòng	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**3,43**		161
196	15043709	Nghiêm Thị	Lan	21-09-97	Hải Dương	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**3,26**		194
197	15034531	Cao Thị Thùy	Linh	16-07-97	Thái Bình	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,29**		407
198	13041342	Nguyễn Diệu	Linh	23-12-94	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2013	**Nhật Bản**	**2,34**		127
199	15031681	Trần Thị Việt	Linh	11-01-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,20**		324
200	15031684	Đỗ Phương	Mai	08-12-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,03**		332
201	15060245	Nguyễn Hồng	Mai	17-07-97	Nghệ An	Nữ	Khoa Luật	2015	**Nhật Bản**	**2,49**		458
202	15042479	Hoàng Văn	Mạnh	31-08-97	Thái Bình	Nam	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**2,05**		141
203	15030818	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	15-12-97	Hải Phòng	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**3,24**		428
204	15030429	Đặng Thị Hồng	Nhung	12-10-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,43**		345
205	15035930	Trần Thị	Nhung	19-02-97	Thái Bình	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,63**		420
206	15062294	Hoàng Thị Kim	Oanh	06-12-97	Bắc Giang	Nữ	Khoa Luật	2015	**Nhật Bản**	**2,83**		457
207	14000626	Lê Hoàng	Phong	10-05-95	Hà Nội	Nam	KHTN	2014	**Nhật Bản**	**2,40**		401
208	15034483	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	13-04-97	Hà Nội	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,97**		429
209	15034683	Đoàn Thị Thúy	Quỳnh	06-03-97	Thái Bình	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,15**		389
210	15031497	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08-12-97	Lào Cai	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,93**		402
211	15034963	Vũ Thị	Tuyết	13-07-97	Nam Định	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,67**		431
212	15061107	Nguyễn Thị	Thanh	13-01-97	Hà Nam	Nữ	Khoa Luật	2015	**Nhật Bản**	**2,70**		459
213	14000773	Đỗ Thị Hoài	Thu	09-08-96	Hà Nội	Nữ	KHTN	2014	**Nhật Bản**	**3,12**		308
214	15041681	Tạ Thị Ngọc	Thúy	30-07-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**2,58**		149
215	14040828	Nguyễn Thị Anh	Thư	18-11-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Nhật Bản**	**2,50**		130
216	15044933	Nghiêm Thu	Trà	07-10-97	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2015	**Nhật Bản**	**2,89**		215
217	15004415	Nguyễn Văn	Trãi	08-02-97	Quảng Trị	Nam	KHTN	2015	**Nhật Bản**	**2,58**		317
218	14040849	Đỗ Thị Huyền	Trang	14-02-96	Hà Nội	Nữ	Ngoại ngữ	2014	**Nhật Bản**	**3,26**		137

STT	Mã sinh viên (mã ngành 1)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Trường ĐH Ngành 1	Khóa ngành 1	Trúng tuyển ngành ngôn ngữ	Điểm TBC	Ghi chú	SHS
219	15050020	Nguyễn Thị	Trang	10-06-97	Thái Bình	Nữ	Kinh tế	2015	**Nhật Bản**	**2,89**		189
220	15035970	Ngô Thị	Xuân	16-11-97	Hải Dương	Nữ	Nhân văn	2015	**Nhật Bản**	**2,99**		344

Danh sách này có 9 trang gồm: 220 sinh viên trúng tuyển nhập học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Đỗ Tuấn Minh